

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI LAI
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/ DS – ST
Ngày: 05 - 3 - 2021
V/v: “Tranh chấp thừa kế
quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI – THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Tuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Thành Lực

2. Ông Phan Tấn Lạc

- Thư ký Tòa án – Ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thới Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Lương Tri - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 và 05 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở tòa án nhân dân huyện Thới Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 231/2016/TLST- DS ngày 30 tháng 12 năm 2016 về: “Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 436/2020/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: 1/Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1961 (chết)

Địa chỉ: ấp Thới P B, xã Thới T, huyện TL, thành phố C.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn T:

Bà **Lê Phương N**, sinh năm 1968. Địa chỉ: ấp Thới P B, xã Thới T, huyện TL, thành phố C.

Bà **Trần Kim N**, sinh năm 1992. Địa chỉ: 29/5 Nguyễn Hồng Đ, phường 14, quận Tân B, thành phố H.

Bà Trần Kim T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: ấp Thới P B, xã Thới T, huyện TL, thành phố C.

Bà Trần Kim T và bà Trần Kim N ủy quyền cho cho bà **Lê Phương N**, sinh năm 1968. Địa chỉ: ấp Thới P B, xã Thới T, huyện TL, thành phố C. Theo văn bản ủy quyền ngày 03/7/2018. (Có mặt)

2/ Ông **Trần Văn B**, sinh năm 1963.

Địa chỉ: ấp Thới Q, thị trấn TL, huyện TL, thành phố C.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Chí V**, sinh năm 1986. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Thới Q, thị trấn TL, huyện TL, thành phố C.

Theo văn bản ủy quyền ngày 20/3/2017.

Bị đơn: Bà **Trần Thị D**, sinh năm 1968. (Vắng mặt)

Bà **Trần Thị V**, sinh năm 1970. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Thới P B, xã Thới T, huyện TL, thành phố C.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà **Trần Thị Diễm M**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: ấp Đông T, xã Đông T, huyện TL, thành phố C.

Đại diện theo ủy quyền của Trần Thị Diễm M là bà **Nguyễn Lê T**, sinh năm 1975. Địa chỉ: ấp Đông T, xã Đông T, huyện T, thành phố C.

2/ Bà **Nguyễn Lê T**, sinh năm 1975. Địa chỉ: ấp Đông T, xã Đông T, huyện TL, thành phố C. (Có mặt)

3/ Ông **Trần Văn L**. (Xin xét xử vắng mặt)

4/ Ông **Hồ Thanh H**. (Xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đông T, xã Đông T, huyện TL, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Phía nguyên đơn ông Trần Văn B có đại diện theo ủy quyền là ông Trần Chí V trình bày: Cha mẹ của ông Trần Văn B là ông Trần Văn C (chết năm 1968) và bà Trần Thị Đ (chết năm 2008). Khi chết bà Đ có lại di sản gồm thửa đất số 1058, tờ bản đồ số 10, diện tích 13.873 m², loại đất LUA được Ủy ban nhân dân huyện Ô Môn (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 06/3/2002 tọa lạc tại ấp Đông Hòa, xã Đông Thuận, huyện Ô Môn (cũ) nay là ấp Đông Thạnh, xã Đông Thuận, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ do bà Trần Thị Đ đại diện hộ đứng tên quyền sử dụng đất và thửa đất 332, tờ bản đồ số 9, diện tích 2.903 m², loại đất LUA được Ủy ban nhân dân huyện Ô Môn (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 06/9/1993 tọa lạc tại ấp Thới Phước, xã Thới Lai, huyện Ô Môn (cũ) nay là ấp Thới Phước A, xã Thới Tân, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ do bà Trần Thị Đ đứng tên quyền sử dụng đất. Vào thời điểm bà Trần Thị Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 1058 và thửa 332 thì trong hộ bà Đ

gồm có các thành viên: Bà Trần Thị Đ, bà Trần Thị V, ông Trần Văn T, bà Lê Phương N, Trần Kim N và Trần Kim T.

Bà Đ chết năm 2008 không để lại di chúc, bà Đ và ông C có 05 người con gồm: Trần Văn T (chết năm 2017 – có vợ là Lê Phương N và 02 con là Trần Kim N, sinh 1992 và Trần Kim T sinh năm 1995: ĐKTT: ấp Thới Phước B, xã Thới Tân, huyện Thới Lai), Trần Văn B, Trần Văn Đ (chết năm 2006 – có con là Trần Thị Diễm M thừa kế thế vị), Trần Thị D, Trần Thị V. Hiện nay 02 thửa đất 1058 và 332 đều do bà Trần Thị D và Trần Thị V sử dụng. Nay yêu cầu cho con của Trần Văn Đ là 04 công tầm 3 m đã cắm ranh tại thửa 1058, phần còn lại diện tích 8.673 m² tại thửa 1058 và diện tích 2.903 m² đất tại thửa 332 thì chia đều cho 4 người như sau:

1/Trần Văn T (nay đã chết thì người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà Lê Phương N, Trần Kim N, Trần Kim T được hưởng 2.168 m² tại thửa 1058 và 725 m² tại thửa 332.

2/ Trần Văn B được hưởng 2.168 m² tại thửa 1058 và 725 m² tại thửa 332.

3/ Trần Thị D được hưởng 2.168 m² tại thửa 1058 và 725 m² tại thửa 332.

4/ Trần Thị V được hưởng 2.168 m² tại thửa 1058 và 725 m² tại thửa 332.

Bà Lê Phương N trình bày: Bà là vợ hợp pháp của ông Trần Văn T, bà và ông T chung sống có 02 con chung là Trần Kim T và Trần Kim N. Bà thống nhất toàn bộ lời trình bày của ông Trần Chí V về di sản mà bà Trần Thị Đ chết để lại, cũng như hàng thừa kế của bà Đính, bà xác định nay bà và 02 con của bà là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T thì bà xác định 02 con của bà có yêu cầu độc lập trong vụ án để hưởng thừa kế thế vị để hưởng phần di sản do bà Đ để lại và yêu cầu được hưởng 2.168 m² tại thửa 1058 và 725 m² tại thửa 332.

Bà Trần Thị D có lời khai: Nguyên trước đây cha mẹ của bà là bà Đ và ông C sinh sống có tạo lập được phần tài sản đất đai, sau khi anh em khôn lớn thì cha mẹ tôi có chia phần cho anh em mỗi người 05 công đất. Riêng Trần Văn T được cha mẹ chia cho 05 công đất ruộng để sản xuất canh tác nhưng sau khi chia thì ông T không canh tác mà đã bán chỉ xài, không có chăm sóc phục dưỡng cha mẹ, còn V là người chăm sóc phụng dưỡng cha mẹ lúc còn sống và thờ cúng lúc cha mẹ qua đời. Nay phía nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế đối với 02 thửa 1058 và thửa 332 thì tôi không đồng ý mà yêu cầu được chia như sau:

Đối với thửa 1058 diện tích đo đạc 13.002,6 m² đất tọa lạc tại ấp Đông Thạnh, xã Đông Thuận, huyện Thới Lai thì bà yêu cầu chia đều làm 5 phần cho con của ông T (N và T thừa kế thế vị), Trần Văn B, con của ông Đ (Diễm M thừa kế thế vị), Trần Thị D, Trần Thị V. Tuy nhiên, phần thừa kế của bà tại thửa đất này bà không nhận mà đồng ý tặng cho bà Trần Thị V.

Đối với thửa 332 diện tích đo đạc là 2.974,7 m² đất tọa lạc tại ấp Thới Phước A, xã Thới Tân, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ thì thời điểm năm 1997 mẹ của bà là bà Trần Thị Đính có cho bà toàn bộ diện tích nhưng chưa tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc bà Đính tặng cho đất cho bà không lập giấy tờ gì nhưng có người chủ út là Trần Văn K biết và quá trình canh tác đất từ năm 1997

đến nay có hộ giáp ranh biết. Nay bà không đồng ý chia thừa kế thửa đất này cho ai mà yêu cầu được hưởng toàn bộ diện tích thửa đất. Vào thời điểm bà Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 1058 và 332 thì trong hộ bà Đ gồm bà Trần Thị Đ và bà Trần Thị V, ngoài ra không còn ai khác.

Bà Nguyễn Lê T (người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) trình bày: Bà cũng là đại diện theo ủy quyền của Trần Thị Diễm M. Bà thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu của phía nguyên đơn. Trần Thị Diễm M có yêu cầu độc lập trong vụ án để yêu cầu được hưởng phần diện tích mà các trước đây thống nhất cho Diễm M được hưởng là 5.872,2 m² thuộc một phần thửa 1058, tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại ấp Đông Thạnh, xã Đông Thuận, huyện Thới Lai. Đối với phần thửa 332 thì Trần Thị Diễm M không có yêu cầu hay tranh chấp gì. Đối với bà thì xác định không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Ông Trần Văn L có lời khai phần đất tôi mượn của bà D tôi đã trả ngày 20 tháng 8 năm 2020 nên yêu cầu Tòa xét xử vắng mặt tôi.

Ông Ngô Thanh H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

+Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, T ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án; Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn (Kèm theo bài phát biểu của Kiểm sát viên).

Kiến nghị: Khắc phục việc vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về tố tụng: Ông Trần Văn L và ông Ngô Thanh H là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án có yêu cầu xét xử vắng mặt, bà Trần Thị D và bà Trần Thị V được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Tòa án căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt là phù hợp.

[2] Theo đơn khởi kiện và yêu cầu của đương sự tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là: “Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất”.

[3] Tại phiên tòa phía nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của ông T, đại diện theo ủy quyền của ông B và đại diện theo ủy quyền của bà M xác định là phần bà Trần Thị Diễm M được hưởng thừa kế theo sự thỏa thuận là 5.872,2 m², thuộc một phần thửa 1058, tờ bản đồ số 10, loại đất LUA tọa lạc tại ấp Đông Thạnh, xã Đông Thuận. Việc thỏa thuận này phù hợp với ý chí của bà Trần Thị D là bị đơn trong vụ án theo biên bản đối chất ngày 25 tháng 9 năm 2020 nên ghi nhận. Trần Thị Diễm M không yêu cầu được hưởng thừa kế tại thửa 332.

[4] Đối với diện tích còn lại là 7.130,4m² tại thửa 1058 và thửa đất số 332, tờ bản đồ số 09, đất tọa lạc tại ấp Thới Phước A, xã Thới Tân, huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ diện tích đo đạc là 2.974,7m² thì phía nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan yêu cầu chia thừa kế thành 04 phần bằng nhau gồm chia cho: [1] Chia thừa kế cho người thừa kế quyền và nghĩa vụ tổ tụng của ông Trần Văn T là Lê Phương N, Trần Kim N, Trần Kim T), [2] Chia thừa kế cho ông Trần Văn B, [3] Chia thừa kế cho Trần Thị D, [4] Chia thừa kế cho Trần Thị V nhưng thống nhất giao ông Trần Văn B được hưởng đất thực tế và có trách nhiệm thanh toán giá trị kỷ phần lại cho Trần Kim N, Trần Kim T. Bà Trần Thị D có yêu cầu phản tố để được hưởng và đứng tên quyền sử dụng đất toàn bộ thửa đất số 332, diện tích đo đạc 2.974,7m² (Theo Mảnh trích đo địa chính ngày 25/8/2017. Vấn đề này Hội đồng xét xử thấy rằng: Đối với bà Trần Thị V không có gửi đơn yêu cầu phản tố, bà Trần Thị D có làm đơn yêu cầu phản tố và Tòa án đã ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu phản tố nhưng bà D không nộp tạm ứng án phí nên không xem xét yêu cầu phản tố của bà D.

[5] Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 1058 và thửa 332 cấp cho hộ bà Trần Thị Đ nhưng các đương sự trong vụ án không có tranh chấp chia tài sản chung của hộ nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bà Trần Thị Đ chết năm 2008 không để lại di chúc nên cần xem xét chia thừa kế theo pháp luật, hàng thừa kế thứ nhất của bà Đính gồm Trần Văn T (chết năm 2017 – có vợ là Lê Phương N và 02 con là Trần Kim N, sinh 1992 và Trần Kim T sinh năm 1995: ĐKTT: ấp Thới Phước B, xã Thới Tân, huyện Thới Lai), Trần Văn B, Trần Văn Đ (chết năm 2006 – có con là Trần Thị Diễm M thừa kế thế vị), Trần Thị D, Trần Thị V. Di sản của bà Đính các đương sự xác định chỉ tranh chấp tại thửa 1058 và thửa 332 mà không tranh chấp khối di sản nào khác.

[6] Di sản tại thửa 1058 ngoài phần diện tích đã thỏa thuận cho M được hưởng còn lại là 7.130 m² các đương sự thống nhất chia làm 4 phần. Tuy nhiên, bà D có ý chí giao cho bà V được hưởng phần đáng lẽ bà D được hưởng, bà N là đại diện theo ủy quyền của T và N đồng ý giao cho ông B được quản lý sử dụng phần diện tích của N và T và ông B có trách nhiệm thanh toán giá trị lại cho N và T theo giá đã được định giá. Do đó cần giao cho bà V được hưởng diện tích 3.565,2 m² tại thửa 1058 và ông B được hưởng 3.565,2 m² tại thửa 1058 và có trách nhiệm thanh toán giá trị kỷ phần cho N và T là đúng thực tế.

[7] Di sản là diện tích đất 2.974,7m² tại thửa 332 bà D cho rằng được mẹ ruột là bà Trần Thị Đ tặng cho nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở để xem xét mà cần chia thừa kế theo pháp luật. Phần Diễm M

không yêu cầu được hưởng do đã được chia phần tại thửa 1058. Diện tích $2.974,7 \text{ m}^2$ chia 4 = $743,675 \text{ m}^2 \times 70.000 \text{ đồng/m}^2 = 52.057.250 \text{ đồng}$. Do đây là đất trồng lúa nên việc chia nhỏ không thuận tiện cho việc canh tác, bà N và ông V tại phiên tòa thỏa thuận được việc giao phần của N và T được hưởng cho ông B quản lý sử dụng và chỉ yêu cầu hưởng giá trị. Do đó, cần giao cho ông Trần Văn B được quản lý sử dụng toàn bộ diện tích $2.974,7 \text{ m}^2$ tại thửa 332 và có trách nhiệm thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế lại cho bà D, bà V, bà N và bà T là đúng thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Về cây trồng trên đất được hưởng, tại phiên tòa ông Trần Chí V đồng ý thanh toán cho bà Trần Thị V giá trị nên cần ghi nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Cần buộc các đương sự chịu nộp theo quy định của pháp luật.

[10] Về chi phí đo đạc, thẩm định, định giá tài sản: Đại diện theo ủy quyền của ông B tự nguyện chịu nộp 5.700.000 đồng nên ghi nhận. Ông Trần Văn B được nhận lại chi phí tố tụng còn dư 800.000 đồng tại Tòa án nhân dân huyện Thới Lai.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng :

Điều 649, 650, 651, 652, 611, 612, 660, 164, 166 và Điều 357 của Bộ Luật Dân sự;

Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

Điều 26, 91, 92, 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Bà Trần Thị Diễm M được hưởng thừa kế theo sự thỏa thuận là $5.872,2 \text{ m}^2$, thuộc một phần thửa 1058, tờ bản đồ số 10, loại đất LUA tọa lạc tại ấp Đông Thạnh, xã Đông Thuận, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

Ông Trần Văn B được quản lý sử dụng toàn bộ diện tích $2.974,7 \text{ m}^2$ tại thửa 332, loại đất LUA, tờ bản đồ số 9, đất tọa lạc tại ấp Thới Phước A, xã Thới Tân, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ và có trách nhiệm thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế cho Trần Kim N và Trần Kim T là 52.057.250 đồng, thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế cho bà Trần Thị D là 52.057.250 đồng, thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế cho bà Trần Thị V là 52.057.250 đồng.

Bà Trần Thị V được hưởng diện tích $3.565,2 \text{ m}^2$ tại thửa 1058 và ông Trần Văn B được hưởng $3.565,2 \text{ m}^2$ tại thửa 1058 tờ bản đồ số 10, loại đất LUA tọa lạc tại ấp Đông Thạnh, xã Đông Thuận, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ và ông Trần Văn B có trách nhiệm thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế cho Trần Kim N và Trần Kim T là 124.782.000 đồng.

Buộc ông Trần Văn B có trách nhiệm thanh toán giá trị cây trồng trên đất

thuộc một phần thửa 1058 cho bà Trần Thị D là 2.304.500 đồng.

Đối với số tiền phải thi hành thì kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Vị trí đất được xác định theo mảnh trích đo địa chính số 1680/2017 ngày 25/8/2017 và trích lục bản đồ địa chính ngày 04/3/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ (Đính kèm bản án).

Kiến nghị cơ quan chuyên môn có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo sơ đồ vị trí thửa đất trên cơ sở yêu cầu của đương sự khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Trần Thị V chịu nộp 15.081.000 đồng.

Buộc bà Trần Thị D chịu nộp 2.718.000 đồng.

Buộc Bà Trần Thị Diễm M chịu nộp 20.442.000 đồng. Chuyển số tiền tạm ứng án phí 10.300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 002821 ngày 18/8/2018 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai thành tiền án phí. Bà Trần Thị Diễm M còn phải nộp thêm 10.142.000 đồng án phí.

Buộc bà Trần Kim N và bà Trần Kim T liên đới chịu nộp 8.841.000 đồng. Chuyển số tiền tạm ứng án phí 3.254.500 đồng theo biên lai thu tiền số 000740 ngày 27/12/2016 (N và T là người thừa kế thế vị của ông Trần Văn T) tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai thành tiền án phí. Bà Trần Kim N và bà Trần Kim T còn phải nộp thêm 5.586.500 đồng án phí.

Buộc ông Trần Văn B chịu nộp 8.841.000 đồng. Chuyển số tiền tạm ứng án phí 3.254.500 đồng theo biên lai thu tiền số 000740 ngày 27/12/2016 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai thành tiền án phí. Ông Trần Văn B còn phải nộp thêm 5.586.500 đồng án phí.

Về chi phí đo đạc, thẩm định, định giá: Đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn B tự nguyện chịu nộp 5.700.000 đồng đã chi thực tế xong. Ông Trần Văn B đã nộp tạm ứng 6.500.000 đồng. Ông Trần Văn B được nhận lại 800.000 đồng chi phí tổ tụng còn dư tại Tòa án nhân dân huyện Thới Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án hoặc kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được

niêm yết tại ủy ban nhân dân địa phương đối với đương sự vắng mặt để Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ để xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận :

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND huyện Thới Lai;
- Chi cục T.H.A DS huyện Thới Lai;
- Đương sự;
- Lưu hs, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hoài Tuyên